Hòa thượng Thích Chơn Thiện (1942-2016)

ISSN: 2734-9195 13:24 08/11/2024

Hòa thượng Thích Chơn Thiện (1942 – 2016) từng giữ cương vị Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự - Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tổng Biên tập Tạp chí Văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Tiểu sử, hành trình xuất gia học đạo, hành đạo của Hoà thượng Thích Chơn Thiện

Hòa thượng Thích Chơn Thiện (1 tháng 12, 1942 – 08 tháng 11, 2016) sinh ra tại làng Dưỡng Mong thượng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Tiến, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Kiều. Sư là con út trong gia đình gồm 10 anh chị em. Xuất thân trong gia tộc tín đồ Phật giáo nhiều đời, từ nhỏ Hòa thượng đã sớm bộc lộ niềm tin và ý nguyện xuất thế. Từ năm đệ Tứ (Lớp 9) khi đang theo học tại trường Nguyễn Tri Phương và sau đó là Quốc Học, Hòa thượng đã phát nguyện trường trai, tích cực tham gia sinh hoạt gia đình Phật tử tại Tổ đình Tường Vân, thân cận phụng sự các tăng sĩ để học hỏi nếp sống phạm hạnh, được tăng sĩ ở Tổ đình yêu quý.



Chân dung Hoà thượng Thích Chơn Thiện. Ảnh sưu tầm

Khi còn sống, Hòa thượng từng giữ cương vị Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tổng Biên tập Tạp chí Văn hóa Phật giáo Việt Nam. Ngoài ra, Hoà thượng cũng từng được bầu giữ cương vị Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI – XIV, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam.

Năm 1960, Hòa thượng được Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, bấy giờ là Trụ trì Tổ đình Tường Vân cho xuất gia, lấy pháp danh Tâm Ngộ, pháp tự Chơn Thiện, pháp hiệu Viên Giác, đồng thời cho làm Thị giả cho Hòa thượng Thích Tịnh Khiết. Hòa thượng thọ Sa-di giới ngày 17 tháng 1 năm 1963 (Quý Mão) tại Tổ

đình Tường Vân. Bảy tháng sau, tức năm 1964 (Giáp Thìn), Hòa thượng được Hòa thượng Thích Tịnh Khiết cho thọ Cụ-túc giới tại Đại giới đàn Quảng Đức, Việt Nam Quốc Tự, Sài Gòn, do chính Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Đàn đầu.

Dưới ảnh hưởng của thầy mình là Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Tăng thống Tổng hội Phật giáo Việt Nam và sau là Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, sau khi thọ Cụ-túc giới, Hòa thượng được bổn sư gửi theo học chương trình Cử nhân Phật học tại Pháp Hội và sau đó học Cử nhân Văn khoa tại Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn. Năm 1968, Hòa thượng tốt nghiệp Cử nhân Văn khoa cùng Cử nhân Phật học - Triết học Đông Phương.

Từ tháng 8 năm 1968 đến tháng 3 năm 1969, Hòa thượng đảm nhiệm công tác Quản trị Nội xá Đại học Vạn Hạnh. Từ năm 1969 đến năm 1972, Hòa thượng được cử sang du học tại Hoa Kỳ, theo học bổng Cơ quan Văn hóa Á châu (Asia Foundation) và tốt nghiệp Cao học Tâm lý Giáo dục tại Đại học Ohio, Hoa Kỳ.

Sau khi về nước, từ năm 1972 đến năm 1975, hoà thượng được cử làm Phó Giám đốc Sinh viên vụ đặc trách Hướng dẫn Tâm lý Giáo dục, Viện Đại học Vạn Hạnh, tham gia giảng dạy và đóng góp cho tạp chí Tư Tưởng Vạn Hạnh.

Sau ngày Việt Nam thống nhất, từ tháng 4 năm 1977 đến tháng 9 năm 1984, Hòa thượng được mời phụ tá cho Hòa thượng Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Phật học Vạn Hạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, và làm Giảng sư tại Viện, đồng thời tham gia giảng dạy chương trình cao cấp Phật học tại Già Lam. Trong khoảng thời gian này, Hòa thượng đã nghiên cứu và biên soạn nhiều tác phẩm Phật học có giá trị trong lãnh vực học thuật và hành trì cho Tăng Ni và Phật tử.

Từ tháng 10 năm 1984 đến năm 1988, Hòa thượng làm Giảng sư tại chùa Linh Sơn, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Nhiều bài giảng của Hòa thượng được ghi âm, trở thành tài liệu định hướng tu tập cho nhiều tín đồ Phật giáo trong và ngoài nước. Thời gian này, Hòa thượng cũng tiếp tục biên soạn một số tác phẩm Phật học có giá trị.

Từ năm 1988 đến tháng 7 năm 1992, Sư được mời phụ tá Viện trưởng kiêm Trưởng ban Học vụ, đồng thời tham gia giảng dạy tại Trường Cao cấp Phật học Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh). Trong khoảng thời gian này, Sư là thành viên Ban giám hiệu, đóng góp rất lớn vào việc biên soạn chương trình Giáo dục Tăng Ni các cấp.

Từ tháng 8 năm 1992 đến tháng 6 năm 1996, Sư được cử sang du học tại Đại học Delhi - Ấn Độ theo học bổng của Bộ Ngoại giao, Chính phủ Ấn Độ, tốt

nghiệp Phó Tiến sĩ và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Phật học. Với luận án "*Lý thuyết Nhân tính qua Kinh tạng Pali*" (The Concept of Personality Revealed through Panca Nikayas), Sư được Hội đồng Khoa học Đại học Delhi phê chuẩn học vị Tiến sĩ Triết học, được Ủy ban Phát triển Nguồn nhân lực Ấn Độ (Human Resources Development Communitiy) đánh giá cao và được Tổng thống Ấn Độ mời tiếp kiến và ngợi khen.

Từ tháng 7 năm 1996 đến tháng 5 năm 2002, Sư được mời giữ chức vụ Phó Viện trưởng Thường trực Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Phó Viện trưởng Thường trực Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Phó Trưởng ban Thường trực và Quyền Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; là thành viên sáng lập và Trưởng ban thư ký Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam.

Từ tháng 6 năm 2002 đến tháng 11 năm 2016, Sư được giới thiệu ứng cử và đắc cử Đại biểu Quốc hội liên tiếp các khóa XI đến XIV; đảm nhận chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam; Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam; Ủy viên Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Cùng thời gian này, Sư cũng đảm nhiệm Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Từ tháng 12 năm 2007, Sư được suy cử Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Từ tháng 3 năm 2008, Sư được mời giữ chức vụ Tổng biên tập Tạp chí Văn hóa Phật giáo.

Từ tháng 7 năm 2015, Sư được suy tôn ngôi vị Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Thời gian cuối đời, Sư được cung thỉnh làm Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó được Tông môn Pháp phái thỉnh vào ngôi vị Trụ trì Tổ đình Tường Vân, Thành phố Huế.

Năm 1995, Hòa thượng tham gia Ban kiến thiết Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, và làm trưởng Ban xây dựng Học viện.

Từ năm 2009 đến năm 2013, Hòa thượng tiến hành các thủ tục xin cấp đất xây dựng cơ sở mới Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế. Lễ đặt đá khởi công xây dựng được long trọng tổ chức vào ngày 14 tháng 9 năm 2015, đến nay đã có 13 hạng mục được xây dựng hoàn tất và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

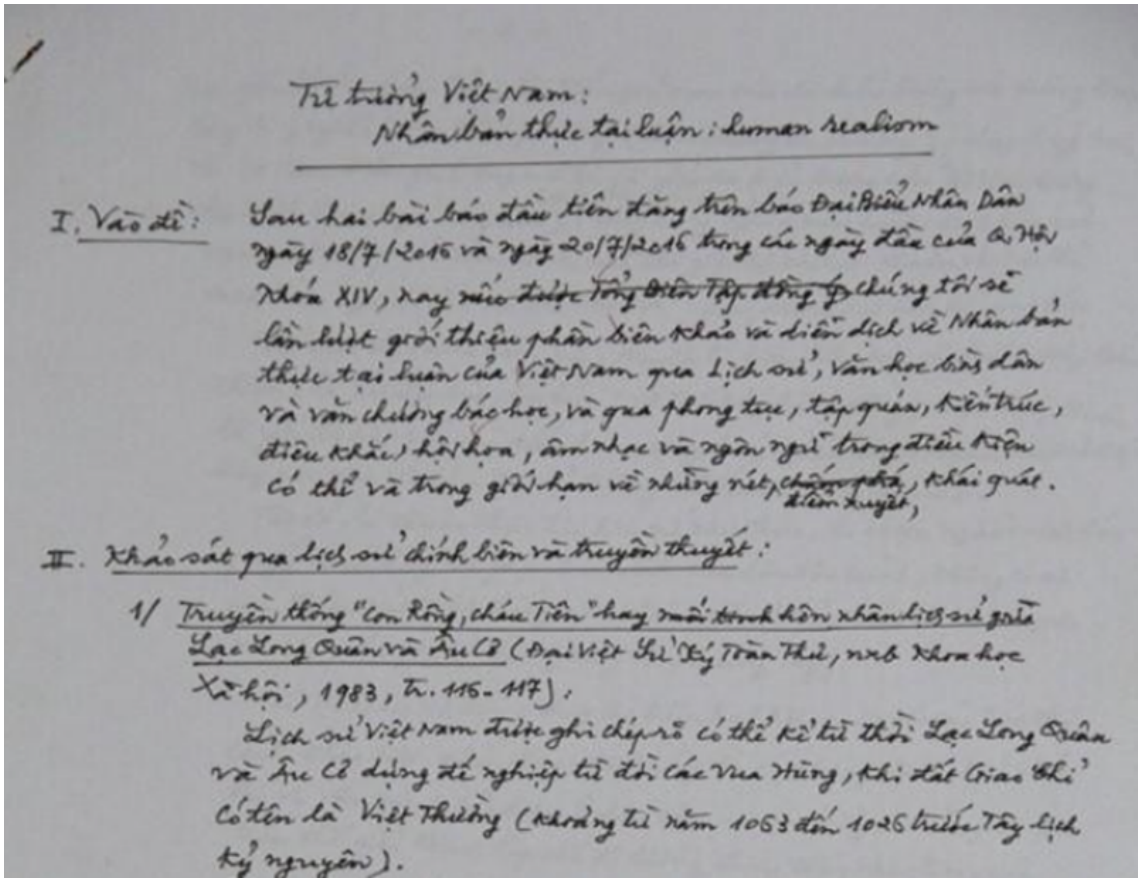
Tháng 05 năm 2013, Hòa thượng cùng với chư Tôn đức trong môn phái Tổ đình Tường Vân tiến hành đại trùng tu ngôi Tổ đình, và lễ khánh thành được tổ chức vào tháng 03 năm 2015.

Trong sự nghiệp giáo dục, ngoài việc tham gia điều hành các cơ sở giáo dục, Hòa thượng trực tiếp giảng dạy cho nhiều khóa học tại Đại học Vạn Hạnh, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế; thuyết giảng Phật pháp cho Tăng Ni và Phật tử ở nhiều tỉnh thành; đóng góp tiếng nói trí tuệ cho các tạp chí và báo chí như Tư tưởng Đại học Vạn Hạnh, báo Giác ngộ, tập văn của Ban Văn hóa Trung ương, tạp chí Văn hóa Phật giáo, báo Đại biểu Dân Nhân. Đặc biệt, Ngài đã nỗ lực giới thiệu Pháp tạng Pali, kết nối thống nhất tư tưởng Phật giáo từ Nguyên thủy đến Phát triển.

Ngoài các chuyến công tác đối ngoại ở nước ngoài với vai trò đại biểu Quốc hội, Hòa thượng đã nhiều lần đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm trưởng đoàn tham dự nhiều hội nghị và hội thảo Phật giáo Quốc tế được tổ chức ở các nước như Ấn Độ, Nhật Bản, Pháp, Mỹ; tham gia giao lưu hữu nghị với các giáo sĩ và trí thức tại Maroco; thực hiện nhiều chuyến đi hoằng pháp tại các nước Châu Âu như Cộng hòa Pháp, Đức, Nga, Ucraina, Ba Lan, Cộng hòa Séc,...

Thuận theo quy luật vô thường, những việc cần làm đã làm xong, vào lúc 10g50 ngày 08/11/2016 nhằm ngày 09 tháng 10 năm Bính Thân, Phật lịch 2560, Hòa thượng xả báo thân, an nhiên thị tịch tại Tổ đình Tường Vân, để lại bao nỗi niềm kính tiếc cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cho Đất nước, cho Tông môn Tường Vân, chư Tăng Ni và quần chúng Phật tử.

Ấn tượng về nét chữ của sự cần mẫn của Hoà thượng Thích Chơn Thiện



Tư tưởng Việt Nam:
Nhân bản thực tại luận: human realism

I. Vào đề: Sau hai bài báo đầu tiên đăng trên báo Đại Biểu Nhân Dân ngày 18/7/2016 và ngày 20/7/2016 trong các ngày đầu của Quốc Hội Khóa XIV, nay nếu được ~~Tổng Biên Tập thông tin~~ chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu phần biên khảo và diễn dịch về Nhân bản thực tại luận của Việt Nam qua lịch sử, văn học bình dân và văn chương bác học, và qua phong tục, tập quán, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc và ngôn ngữ trong điều kiện có thể và trong giới hạn về những nét chấm phá, khái quát, điển tuyệt.

II. Khảo sát qua lịch sử chính biên và truyền thuyết:

1/ Truyền thống "Con Rồng, cháu Tiên" hay mối tình thần thoại giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, nxb Khoa học Xã hội, 1983, tr. 115-117).

Lịch sử Việt Nam được ghi chép rõ có thể kể từ thời Lạc Long Quân và Âu Cơ dựng nghiệp từ thời các Vua Hùng, khi đất Giao Chỉ có tên là Việt Thường (khoảng từ năm 1063 đến 1026 trước Tây Lịch kỷ nguyên).

Ảnh: giacngo.vn

Luận án Tiến sĩ của Cố Hoà thượng được viết bằng tay. Những ai có cơ duyên đọc bản luận án viết tay (bản tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt) sẽ nhận ra ngay đức tính cần mẫn và kiên trì một cách rất đặc biệt nơi Ngài. Trong các bản này, Cố Hòa thượng đã tận tụy nghiên cứu, cẩn thận ghi chép tỉ mỉ những văn bản kinh điển cổ bằng tiếng Pali, đặc biệt là Kinh tạng Nikàya.

Sự ghi chép của Hòa thượng cẩn thận đến độ người đọc khó có thể tìm thấy bất kỳ một sự chỉnh sửa nào trong suốt hơn 300 trang viết tay đồng bộ. Nhưng đối với Ngài, đấy là một công việc bình thường, cho dù lịch trình Phật sự có bận rộn như thế nào. Khi được hỏi tại sao Hòa thượng phải viết tay như thế, Ngài tâm sự rằng, các luận án phải được thông qua trước khi được cho đánh máy.

Chính vì vậy, Ngài rất hoan hỷ chép tay, và nhân tiện chép luôn bản dịch tiếng Việt do chính Ngài dịch. Điều đáng nói ở đây là khi chiêm ngưỡng chữ viết tay của Ngài, người chiêm ngưỡng nhận thấy nơi những nét chữ khiêm tốn và bình dị đó phảng phất đâu đấy một sự định tĩnh, nhất tâm, rất đẹp và rất vững chãi. Đó chính là cái ấn tượng ban đầu mà hầu như ở thời điểm đó (trước khi luận án được phát hành), các bậc cao tăng cũng như các giáo sư học giả nổi tiếng đương thời ai cũng khen ngợi và tán dương sự cần mẫn của ngài thông qua những nét chữ tuyệt vời.

Xiển dương tính nhất quán trong tư tưởng Phật học của Hòa thượng Thích Chơn Thiện

Trong những tác phẩm, dịch phẩm và những công trình nghiên cứu của Hòa thượng, đặc biệt là cuốn "*Phật học khái luận*", đây một quyển sách giáo khoa Phật học quan trọng đã được liên tục tái bản trong suốt hơn 30 năm qua. Trong Lời giới thiệu quyển sách, cố Đại lão Hoà thượng Thích Thiện Siêu đã đánh giá như sau:

"Căn cứ trên các kinh Nikàya và A-hàm với một phần ý nghĩa rút ra từ kinh điển Bắc truyền, Thượng tọa đã trình bày Phật học một cách mạch lạc, rõ ràng, nhằm giới thiệu được nội dung cơ bản của Phật-học, đồng thời cũng gợi lên những đường hướng tư duy sâu sắc và đúng đắn để có thể phù hợp với nhiều đối tượng độc giả... Tôi nghĩ rằng cuốn Phật học khái luận này phản ảnh một quá trình tu học nghiêm túc, một niềm tin tưởng sâu đậm đối với Phật giáo và một tấm lòng tha thiết khuyến tu đối với hết thảy mọi người...".

Đọc hết các chương về tư tưởng Phật giáo từ khởi nguyên đến phát triển, bạn đọc sẽ thấy rõ tâm huyết của Ngài. Đấy chính là những nỗ lực vượt qua mọi dị biệt, xiển dương tính nhất quán trong tư tưởng kinh điển và mối liên hệ triết học giữa Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Phát triển. Khái niệm "*Tiểu thừa*" và "*Đại thừa"*, trong quan điểm của Ngài chỉ là một cách diễn đạt về lịch sử phát triển mang tính cách lý thuyết.

Bạn đọc có thể nhận thấy điều này qua những giải thích, chứng minh của Ngài về sự "*nhất quán*" giữa giáo lý "*Năm uẩn là Vô ngã*" của Phật giáo Nguyên thủy với giáo thuyết về "*Tính Không*" của Đại thừa. Nhưng trên hết, đằng sau những phân tích và giải thuyết của Ngài, bạn đọc có thể cảm nhận được ngay niềm khát vọng thống thiết nhất của con người, đấy chính là sự tìm cầu chân lý và hạnh phúc! Chính vì vậy, là một nhà Phật học tinh thông, trong quan điểm của Ngài, dù ngôn ngữ hay cách tiếp cận có khác biệt nhưng nhu cầu về chân lý, về sự chứng ngộ chân lý, thì không hề khác biệt. Vấn đề là, tùy vào hoàn cảnh khác nhau mà Phật giáo cần phải có những uyển chuyển, thích ứng phù hợp.

Hòa thượng Thích Chơn Thiện - bậc Thầy tinh thông cả Nam tạng và Bắc tạng

Những ai đã một lần tham dự các thời pháp hay các buổi thuyết giảng của Hòa thượng sẽ ít nhiều cảm nhận được tấm lòng nhiệt huyết và từ tâm bao la của Ngài. Khi trình bày một vấn đề, ngài thường đi rất sâu và đi sâu hơn những gì

mong đợi của hàng thính giả. Sự trình bày của Ngài, ngoài sự uyên bác, quảng học đa văn, các luận cứ luôn được dẫn chứng theo các nguyên tác, kinh điển. Nhờ vậy mà niềm tin của thính chúng được tăng trưởng. Có thể nói rằng, dù không phải là người trực tiếp phiên dịch, nhưng Hòa thượng là một trong những bậc cao tăng uyên thâm cả hai hệ thống Nam tạng và Bắc tạng.

Đọc các tác phẩm của Ngài, người đọc thường có cơ duyên để lĩnh hội sự giao thoa tư tưởng của cả hai hệ thống kinh văn Phật giáo (Nam truyền và Bắc truyền) được trích dẫn và giới thiệu một cách rất đầy đủ. Đối với các thế hệ Tăng Ni sinh hậu học, tác phẩm của Hòa thượng là một nguồn cảm hứng thiêng liêng, là động lực mãnh liệt, khuyến tấn hàng hậu học mạnh dạn đi sâu hơn vào kho tàng tư tưởng Phật giáo, đặc biệt là tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy.

Và ở đó, chính trong kho tàng Nguyên thủy, hành giả sẽ có thể nghe được tiếng nói diệu âm của Đại thừa, cho dù thời đại có cách nhau 500 năm hay một ngàn năm. Đây quả thật là một nét đặc trưng hiếm có trong các tác phẩm nghiên cứu triết học Phật giáo trong thời đại của chúng ta.



Ảnh sưu tầm

Những câu nói hay của Hòa thượng Thích Chơn Thiện

1. Bí mật của hạnh phúc không phải là ở trong tay một đấng quyền năng nào, cũng không phải ở ngoại giới, mà ở trong chính ta, trong chính cái nhìn của ta.

2. Con người xưa nay chịu khổ đau vì tự giam hãm mình trong cái nhìn hữu ngã, chấp trước mọi hiện hữu đều có tự ngã. Do thấy hiện hữu có tự ngã mà lòng dấy khởi lên tham lam, sân hận, tà kiến, sợ hãi, kiêu mạn, thị phi... làm nên dòng cuồng lưu sanh tử, và con người tự nhận mình chìm trong ấy.

3. Kinh nghiệm sống phát biểu rằng người khác phái không trói buộc người nhìn, mà chính cái nhìn của người nhìn trói buộc họ, đưa đẩy đến tình trạng 'ngồi tù trong đáy mắt' ai.

4. Một cách thật tổng quát, một đường hướng giáo dục quan tâm nhiều đến tinh thần giáo dục sáng tạo là một đường hướng giáo dục tốt, nhân bản. Nhấn mạnh tinh thần sáng tạo là nhấn mạnh tinh thần tự tri, tự trách nhiệm, tự chủ, tự tín, tự hướng dẫn tinh thần độc lập..., những tinh thần giáo dục con người trở về chính mình.

5. Nếu hiểu đạo đức đồng nghĩa với hạnh phúc thì đạo đức của Phật giáo là nếp sống đem lại an lạc, hạnh phúc cho mỗi người, mỗi loài chúng sinh. Nếp sống đó đã được Đức Phật giáo dục, xây dựng trên căn bản hiếu hạnh và lòng từ bi, vô ngã, vị tha (bố thí và trì giới) mà nói gọn là tình người đích thực, không lạc vào một hư tưởng nào.

6. Con đường sống đạo đức là con đường dẫn tới hạnh phúc cho mình và người trong từng bước đi, hay chính đạo đức ấy là hạnh phúc.

7. Nói đến giáo dục là nói đến niềm tin căn bản của nó, cái niềm tin mở hướng phát triển muôn thuở cho giáo dục, tin tưởng rằng trong con người có khả năng gần như vô tận, có thể tiếp thu nhiều kiến thức và có thể điều chỉnh mọi lệch lạc của tâm lý, vật lý, sinh lý và tư duy của tự thân.

8. Sống có nghĩa là sống với hiện tại, sống vào hiện tại, hay nói cách khác, chỉ có hiện tại là sống. Sống ngay với hiện tại là tinh thần thiết thực. Than thở, tiếc nuối quá khứ, hay mơ ước tương lai, chẳng những để mình rơi vào chỗ phi thực mà còn để mình vướng mắc vào rối loạn tâm lý, khổ đau, và đánh mất hiện tại đang là cái hiện tại sống động, mới mẻ đầy sáng tạo, đầy nghĩa sống, và có thể hiện tại trở thành vĩnh cửu nếu mình biết nhiếp phục cái tâm chấp ngã tướng.

9. Do vì cái nhìn về con người, thế giới, giá trị, và hạnh phúc khác nhau mà có sự khác biệt về cội nguồn đạo đức và chuẩn mực đạo đức.

10. Ngay cả khi con người đang ở trong hạnh phúc, nỗi lo sợ vô thường xảy đến cũng đủ gây đau nhức tâm thức con người.

11. Công phu thiền định là công phu đi thẳng vào nguồn an lạc, hạnh phúc ngay trong hiện tại và tại đây, sống với từng hơi thở hạnh phúc.

12. Ở cuối đường vào hạnh phúc miên viễn cái nhìn và hạnh phúc là một, con đường là đích đến.

13. Điểm khác biệt rất đặc biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo triết thuyết khác, và chính là điểm đặc biệt của nếp sống đạo đức Phật giáo tự giác tự nguyện vắng bóng tất cả mọi mệnh lệnh, mọi tín điều, mọi giáo điều, mọi sức ép.

14. Với ai mà tu giữ ý thức được thanh tịnh, giác tỉnh thì hẳn nhiên người ấy có giới thể được tròn đầy.

15. Giữ giới là giữ gìn nguồn an lạc hạnh phúc ấy; phạm giới là gây tổn hại đến nguồn an lạc, hạnh phúc ấy.

16. Giới không phải dành riêng cho hàng xuất gia hay chỉ dành riêng cho hàng Phật tử tại gia, cũng không phải chỉ dành riêng cho những người lớn tuổi mà là chung cho tất cả mọi người trong mọi lứa tuổi, cho những ai muốn sống đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình và người trong hiện tại và trong cả tương lai.

17. Nếu hạnh phúc là đối tượng mà nhân loại mãi đi tìm, thì hẳn đúng Giới là những gì mà nhân loại cần nắm giữ trên đường đi đến hạnh phúc ấy. Đã đến lúc con người cần loại bỏ hết thảy ngộ nhận về Giới của giáo lý Phật giáo để tiến lại gần hơn với Giới và nắm giữ Giới thân ái như nắm giữ hạnh phúc của mình.

Kết

Qua 74 năm hiện diện ở đời, với 52 hạ lạp, Hòa thượng đã tận tụy vì Đạo pháp và Dân tộc. Với trí huệ trong sáng, đức hạnh cao vời, Hòa thượng đã để lại nhiều tiếng thơm cho đạo và cho đời, đóng góp thiết thực vào việc xây dựng Giáo hội vững bền, đất nước phồn vinh, góp phần đưa Đất nước và Giáo hội hội nhập thế giới.Với dáng vẻ thanh thoát, cách gợi chuyện nhẹ nhàng mà sâu lắng, cùng với nụ cười hoan hỷ, từ ái, Hòa thượng luôn để lại trong lòng mọi người niềm hân hoan quý kính sau những lần được tiếp xúc với Người. Thân giáo của Hòa thượng không chỉ là tấm gương mẫu mực cho Tăng Ni Phật tử mà còn đem lại những ấn tượng tốt đẹp về một mẫu tu sĩ Phật giáo trong quá trình dấn thân hành đạo. Vì lý do này, các vị lãnh đạo đất nước rất kính trọng và tán dương Hòa thượng:

"*Chùa Tường Vân cõi Phật duyên lành*
Thầy Chơn Thiện chân tu gương sáng." (Phạm Dũng, Trưởng ban TGCP)

Tổng hợp: **Thuý Anh**

Ngồn tham khảo

https://giacngo.vn/mot-bac-thay-tai-hoa-tinh-thong-ca-nam-tang-va-bac-tang-post37219.html#37219|home-timeline|0

https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch_Ch%C6%A1n_Thi%E1%BB%87n

https://giacngo.vn/nhung-loi-dang-suy-gam-cua-truong-lao-hoa-thuong-thich-chon-thien-1942-2016-post37237.html